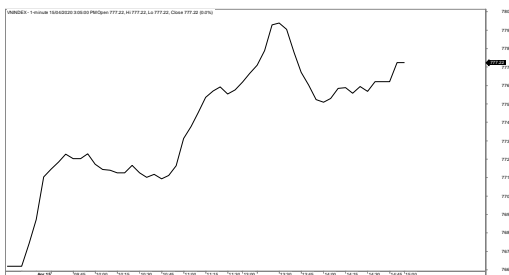


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	777.22	108.33	51.51
% ngày	1.28%	1.10%	1.44%
% tuần	3.90%	4.23%	2.39%
% tháng	2.03%	6.86%	2.02%
% năm	-20.93%	0.58%	-9.06%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,583	713	283
TB 1 tuần	4,243	579	229
TB 1 tháng	4,102	523	242
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	361.87	1.30	5.94
Bán	547.03	9.70	13.21
Giá trị ròng	-185.16	-8.41	-7.27
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	235	109	117
Mã Giảm	88	54	73
Không Đổi	69	211	713
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	11.90	9.24	12.15
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,680	200	756
LS Cổ tức	3.28%	6.20%	5.66%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

## VNINDEX



## HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Đà tăng tiếp tục duy trì ở tất cả chỉ số chính. VN-Index đóng cửa trong vùng giá cao nhất ngày tại 777.22 điểm tăng 1.28%. Chỉ số HNX-Index tăng 1.1% đóng cửa tại 108.33 điểm; chỉ số Upcom-Index cũng đồng thuận tăng mạnh 1.44%. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt hơn tầm 4,200 tỷ đồng tăng nhẹ so với phiên liền trước.

Các cổ phiếu tiếp tục có sự luân phiên xoay vòng ở đà tăng. Trong đó, nhóm Tài Chính (STB(+5.9%), BVH(+5.2%), CTG(+3.4%), HDB(+3.3%), MBB(+2.8%), VPB(+2.1%) cùng với SAB(+6.7% là những mã có sức ảnh hưởng lớn nhất tới đà tăng của chỉ số. CTG đáng chú ý khi tăng mạnh hôm nay cũng như được khối ngoại mua ròng tích cực và đỡ thị giá có thể hướng lên vùng cao hơn quanh 21,000 đồng.

HVN tăng 3.2% trong phiên hôm nay đóng cửa tại 24,200 đồng/cp trong khi VJC trái chiều điều chỉnh giảm -1.8% đóng cửa tại 110,800 đồng/cp.

Nhóm Mid-Cap và Small-Cap giao dịch khá tích cực hôm nay khi nhiều mã đua nhau tăng trần như AAA, D2D, DHM, DIC, HBC, HDG, LCG, QCG...

Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng với giá trị 200 tỷ đồng toàn thị trường. VIC (94.1 tỷ), DBC (18.2 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, chỉ mỗi CTG (11.2 tỷ) được mua ròng hơn 10 tỷ.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hướng vào vùng kháng cự mạnh 778 – 810 điểm của chỉ số VN-Index và thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp rung lắc mạnh tại vùng kháng cự này. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy cho nên thị trường có thể sẽ có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu, đặc biệt chúng tôi đánh giá dòng tiền có xu hướng dịch chuyển ở nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng mạnh và tiến sâu vào vùng rủi ro cho nên chiến lược ngắn hạn nên hạn chế mua đuổi trong giai đoạn này.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 730.82 điểm của chỉ số VN-Index và 100.50 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ và hạn chế gia tăng tỷ trọng cổ phiếu hoặc hạn chế mua mới trong giai đoạn này.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 79% cổ phiếu/21% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

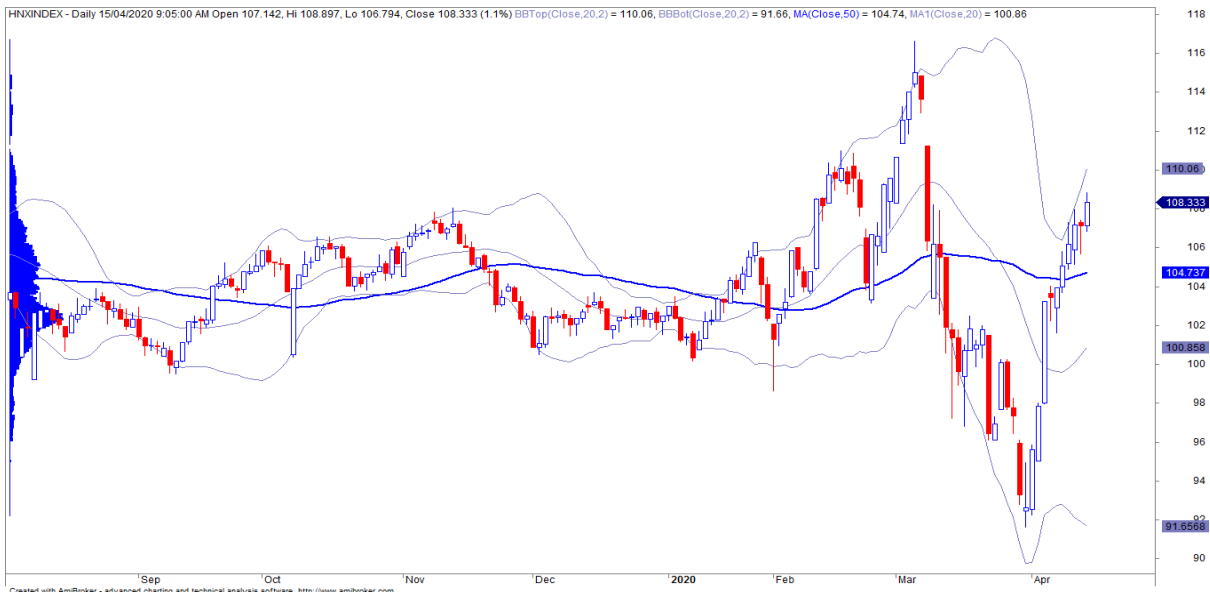


We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.55	TĂNG	GIẢM	10.80	9.90	6.94%			11.95		
ACB	20.20	TĂNG	GIẢM	20.60	17.97	-1.94%			22.19		
ACV	54.00	TĂNG	GIẢM	49.50	48.62	9.09%			56.34		
ANV	17.00	TĂNG	TĂNG	14.85	15.69	14.48%			16.44		
ASM	4.78	TĂNG	TĂNG	4.15	3.90	15.18%			4.56		
BFC	11.20	GIẢM	GIẢM		11.32				11.56		
BID	37.30	TĂNG	GIẢM	36.70	33.99	1.63%			40.35		
BMP	40.70	TĂNG	TĂNG	37.95	37.51	7.25%			40.61		
BSR	5.70	TĂNG	GIẢM	6.10	4.99	-6.56%			6.90		
BVH	48.60	TĂNG	TĂNG	39.50	42.77	23.04%			46.90		
BWE	18.35	TĂNG	GIẢM	18.00	16.62	1.94%			19.61		
CEO	6.90	TĂNG	GIẢM	6.80	5.96	1.47%			7.29		
CII	18.75	GIẢM	GIẢM		20.36				21.58		
CMG	27.70	TĂNG	GIẢM	25.50	24.02	8.63%			28.03		
CMX	12.10	TĂNG	TĂNG	11.70	10.17	3.42%		13.50	9.24	-10.37%	
CSM	14.50	GIẢM	TĂNG		14.58			12.25	13.53	18.37%	
CTD	56.70	TĂNG	GIẢM	54.20	48.18	4.61%			61.46		
CTG	19.85	TĂNG	GIẢM	20.10	17.93	-1.24%			21.98		
CTR	38.00	TĂNG	GIẢM	34.50	31.27	10.14%			39.76		
CVT	17.85	TĂNG	TĂNG	16.90	16.59	5.62%			17.79		
DCM	6.56	TĂNG	TĂNG	5.86	5.96	11.95%		6.40	6.22	2.50%	MUA
DGC	22.60	TĂNG	GIẢM	22.50	20.63	0.44%			24.23		
DGW	23.40	TĂNG	TĂNG	20.40	20.37	14.71%			23.06		
DHA	27.90	GIẢM	GIẢM		29.83				32.52		
DHC	34.25	TĂNG	GIẢM	34.00	32.49	0.74%			36.68		
DHG	88.10	TĂNG	GIẢM	82.50	83.32	6.79%			93.96		
DIG	11.35	GIẢM	GIẢM		11.53				12.63		
DPG	26.80	TĂNG	GIẢM	24.90	22.36	7.63%			29.59		
DPM	14.15	TĂNG	TĂNG	12.05	12.78	17.43%		13.70	12.75	3.28%	MUA
DPR	35.30	GIẢM	GIẢM		36.06				39.12		
DQC	17.00	TĂNG	TĂNG	16.75	15.50	1.49%		16.00	13.48	6.25%	
DRC	17.95	TĂNG	GIẢM	16.70	15.57	7.49%			18.80		
DXG	9.40	TĂNG	GIẢM	8.89	8.07	5.74%			10.75		
EIB	15.15	GIẢM	GIẢM		16.43				17.15		

We Create Fortune

FCN	8.21	TĂNG	GIẢM	7.58	7.58	8.31%			8.61		
FMC	21.30	TĂNG	TĂNG	18.70	18.58	13.90%		19.95	19.54	6.77%	MUA
FPT	50.10	TĂNG	TĂNG	44.60	44.50	12.33%			49.62		
GAS	66.60	TĂNG	GIẢM	63.00	62.36	5.71%			70.18		
GEX	16.00	TĂNG	GIẢM	14.60	14.37	9.59%			16.57		
GIL	16.35	GIẢM	GIẢM		16.52				19.38		
GMD	16.95	TĂNG	GIẢM	16.50	15.33	2.73%			17.73		
GTN	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	13.60	0.67%			17.14		
GVR	11.15	TĂNG	TĂNG	10.10	9.37	10.40%			11.07		
HAG	3.11	TĂNG	GIẢM	2.81	2.89	10.68%			3.22		
HAX	12.00	TĂNG	GIẢM	11.30	11.03	6.19%			12.65		
HBC	7.75	TĂNG	GIẢM	7.31	6.42	6.02%			8.49		
HCM	16.40	TĂNG	TĂNG	13.55	13.77	21.03%		15.45	15.29	6.15%	MUA
HDB	20.65	TĂNG	GIẢM	20.50	18.31	0.73%			22.50		
HDC	16.90	TĂNG	GIẢM	16.90	16.68	0.00%	MUA		18.98		
HDG	22.85	TĂNG	TĂNG	18.95	19.01	20.58%			21.43		
HNG	12.80	TĂNG	GIẢM	12.80	12.78	0.00%	MUA		13.55		
HPG	20.10	TĂNG	TĂNG	18.85	17.82	6.63%			19.92		
HSG	6.46	TĂNG	TĂNG	5.56	5.24	16.19%			6.20		
HT1	12.50	TĂNG	TĂNG	11.95	11.00	4.60%			12.34		
HUT	1.50	TĂNG	GIẢM	1.60	1.26	-6.25%			1.94		
HVN	24.20	TĂNG	TĂNG	20.65	20.92	17.19%			23.04		
KBC	11.95	TĂNG	GIẢM	11.75	10.82	1.70%			12.90		
KDH	20.65	TĂNG	GIẢM	20.00	18.84	3.25%			20.98		
KSB	15.00	TĂNG	GIẢM	14.00	13.10	7.14%			16.48		
LCG	5.02	TĂNG	GIẢM	4.51	4.21	11.31%			5.15		
LDG	5.00	TĂNG	GIẢM	4.93	4.32	1.42%			5.81		
LHG	13.65	TĂNG	GIẢM	12.60	12.51	8.33%			13.83		
LPB	7.10	TĂNG	GIẢM	7.10	6.71	0.00%	MUA		7.48		
MBB	16.35	TĂNG	GIẢM	15.75	14.44	3.81%			16.97		
MPC	22.10	TĂNG	TĂNG	20.80	18.56	6.25%		24.10	17.84	-8.30%	
MSN	60.90	TĂNG	TĂNG	52.30	55.61	16.44%		60.20	56.41	1.16%	MUA
MSR	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.16	-0.67%			16.05		
MWG	76.80	TĂNG	GIẢM	69.90	66.50	9.87%			77.50		
NDN	16.70	TĂNG	TĂNG	15.80	15.09	5.70%		16.20	16.08	3.09%	MUA
NKG	5.62	TĂNG	GIẢM	5.27	4.68	6.64%			6.27		
NLG	21.35	TĂNG	GIẢM	20.80	19.50	2.64%			23.41		
NT2	18.60	TĂNG	GIẢM	18.10	17.28	2.76%			19.04		
NTL	17.30	TĂNG	GIẢM	17.50	15.68	-1.14%			19.42		



We Create Fortune

NVL	51.90	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.40	GIẢM	GIẢM		6.67				7.56		
PAC	20.90	TĂNG	TĂNG	18.85	19.05	10.88%			20.24		
PC1	13.55	TĂNG	TĂNG	11.80	11.82	14.83%			13.23		
PDR	24.95	GIẢM	GIẢM		25.74				26.58		
PHR	42.70	TĂNG	GIẢM	38.85	37.61	9.91%			43.64		
PLX	39.90	TĂNG	GIẢM	39.97	37.20	-0.17%			43.61		
PNJ	59.20	TĂNG	GIẢM	55.50	51.89	6.67%			59.33		
POW	9.06	TĂNG	GIẢM	8.14	8.09	11.30%			9.14		
PVT	9.02	TĂNG	GIẢM	8.61	8.36	4.76%			10.00		
PPC	24.95	TĂNG	GIẢM	23.60	23.20	5.72%			25.05		
PTB	43.60	TĂNG	GIẢM	39.35	37.40	10.80%			45.17		
PVB	12.50	TĂNG	TĂNG	9.60	10.77	30.21%		11.50	10.98	8.70%	MUA
PVD	9.47	TĂNG	GIẢM	8.06	8.61	17.49%			9.55		
PVI	30.70	TĂNG	TĂNG	29.70	28.76	3.37%		30.70	30.34	0.00%	MUA
PVS	11.80	TĂNG	GIẢM	11.30	10.61	4.42%			12.44		
PXS	3.73	TĂNG	TĂNG	3.08	3.42	21.10%			3.63		
QNS	24.30	TĂNG	GIẢM	22.60	23.21	7.52%			25.30		
REE	31.00	TĂNG	GIẢM	30.20	28.16	2.65%			31.90		
SAB	153.00	TĂNG	TĂNG	137.00	128.72	11.68%			152.82		
SAM	9.22	GIẢM	TĂNG		9.46			7.40	8.90	24.59%	
SCR	4.12	TĂNG	GIẢM	4.30	3.69	-4.19%			4.82		
SHI	8.70	TĂNG	GIẢM	8.70	8.06	0.00%			9.06		
SJS	18.95	TĂNG	GIẢM	17.10	16.85	10.82%			19.09		
SKG	9.10	TĂNG	GIẢM	7.90	8.21	15.19%			9.18		
SSI	13.35	TĂNG	TĂNG	13.25	11.96	0.75%		13.30	13.03	0.38%	MUA
STB	9.70	TĂNG	GIẢM	8.93	8.29	8.62%			9.71		
TCB	17.55	TĂNG	GIẢM	16.95	15.66	3.54%			18.37		
TCM	15.85	TĂNG	TĂNG	13.45	13.65	17.84%			15.44		
TDH	7.86	TĂNG	TĂNG	6.73	6.50	16.79%			7.37		
TLH	2.53	GIẢM	GIẢM		2.74				3.12		
TNG	13.50	TĂNG	TĂNG	9.70	10.42	39.18%		11.70	11.21	15.38%	MUA
VCB	70.90	TĂNG	GIẢM	65.00	64.73	9.08%			73.63		
VCG	25.00	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	63.90	TĂNG	GIẢM	57.30	54.01	11.52%			68.26		
VGC	15.70	TĂNG	GIẢM	14.90	14.74	5.37%			16.05		
VGT	8.30	TĂNG	TĂNG	7.10	7.47	16.90%			8.06		
VHC	28.00	TĂNG	TĂNG	25.10	24.02	11.55%			27.51		
VHM	67.80	TĂNG	TĂNG	66.00	61.85	2.73%		67.10	66.94	1.04%	MUA



We Create Fortune

VIB	14.60	GIẢM	GIẢM		14.64				15.52		
VIC	96.00	TĂNG	TĂNG	86.80	86.34	10.60%		95.00	91.02	1.05%	MUA
VIP	4.33	TĂNG	GIẢM	4.33	4.27	0.00%	MUA		4.57		
VJC	110.80	TĂNG	GIẢM	109.10	106.19	1.56%			111.65		
VND	11.35	GIẢM	GIẢM		12.19				12.80		
VNG	12.60	GIẢM	GIẢM	12.90	12.72	-1.42%	BÁN		14.72		
VNM	99.20	TĂNG	GIẢM	94.00	93.49	5.53%			102.01		
VPB	21.75	TĂNG	GIẢM	19.45	18.53	11.83%			22.03		
VPI	41.65	TĂNG	TĂNG	42.00	40.49	-0.83%		41.30	40.58	0.85%	
VRC	5.00	GIẢM	GIẢM		5.29				7.77		
VRE	26.10	TĂNG	TĂNG	20.85	22.96	25.18%		23.80	23.66	9.66%	MUA
VSC	22.35	TĂNG	GIẢM	21.50	20.45	3.95%			23.65		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	20.20	TĂNG	GIẢM	20.60	17.97	-1.94%			22.19		
BID	37.30	TĂNG	GIẢM	36.70	33.99	1.63%			40.35		
BSR	5.70	TĂNG	GIẢM	6.10	4.99	-6.56%			6.90		
BVH	48.60	TĂNG	TĂNG	39.50	42.77	23.04%			46.90		
CTG	19.85	TĂNG	GIẢM	20.10	17.93	-1.24%			21.98		
FPT	50.10	TĂNG	TĂNG	44.60	44.50	12.33%			49.62		
GAS	66.60	TĂNG	GIẢM	63.00	62.36	5.71%			70.18		
GEX	16.00	TĂNG	GIẢM	14.60	14.37	9.59%			16.57		
GVR	11.15	TĂNG	TĂNG	10.10	9.37	10.40%			11.07		
HDB	20.65	TĂNG	GIẢM	20.50	18.31	0.73%			22.50		
HNG	12.80	TĂNG	GIẢM	12.80	12.78	0.00%	MUA		13.55		
HPG	20.10	TĂNG	TĂNG	18.85	17.82	6.63%			19.92		
HVN	24.20	TĂNG	TĂNG	20.65	20.92	17.19%			23.04		
KDH	20.65	TĂNG	GIẢM	20.00	18.84	3.25%			20.98		
MBB	16.35	TĂNG	GIẢM	15.75	14.44	3.81%			16.97		
MSN	60.90	TĂNG	TĂNG	52.30	55.61	16.44%		60.20	56.41	1.16%	MUA
MWG	76.80	TĂNG	GIẢM	69.90	66.50	9.87%			77.50		
NVL	51.90	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.40	GIẢM	GIẢM		6.67				7.56		
PLX	39.90	TĂNG	GIẢM	39.97	37.20	-0.17%			43.61		
PNJ	59.20	TĂNG	GIẢM	55.50	51.89	6.67%			59.33		

We Create Fortune

POW	9.06	TĂNG	GIẢM	8.14	8.09	11.30%			9.14		
QNS	24.30	TĂNG	GIẢM	22.60	23.21	7.52%			25.30		
REE	31.00	TĂNG	GIẢM	30.20	28.16	2.65%			31.90		
ROS	4.00	TĂNG	GIẢM	4.28	3.52	-6.54%			6.80		
SBT	14.15	TĂNG	GIẢM	14.00	12.33	1.07%			15.86		
SSI	13.35	TĂNG	TĂNG	13.25	11.96	0.75%		13.30	13.03	0.38%	MUA
STB	9.70	TĂNG	GIẢM	8.93	8.29	8.62%			9.71		
TCB	17.55	TĂNG	GIẢM	16.95	15.66	3.54%			18.37		
TPB	18.30	GIẢM	GIẢM		18.55				23.94		
VCB	70.90	TĂNG	GIẢM	65.00	64.73	9.08%			73.63		
VCG	25.00	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	63.90	TĂNG	GIẢM	57.30	54.01	11.52%			68.26		
VEA	35.70	TĂNG	GIẢM	31.50	31.22	13.33%			59.45		
VGI	25.90	TĂNG	TĂNG	22.60	21.00	14.60%			25.85		
VHM	67.80	TĂNG	TĂNG	66.00	61.85	2.73%		67.10	66.94	1.04%	MUA
VIB	14.60	GIẢM	GIẢM		14.64				15.52		
VIC	96.00	TĂNG	TĂNG	86.80	86.34	10.60%		95.00	91.02	1.05%	MUA
VJC	110.80	TĂNG	GIẢM	109.10	106.19	1.56%			111.65		
VNM	99.20	TĂNG	GIẢM	94.00	93.49	5.53%			102.01		
VPB	21.75	TĂNG	GIẢM	19.45	18.53	11.83%			22.03		
VRE	26.10	TĂNG	TĂNG	20.85	22.96	25.18%		23.80	23.66	9.66%	MUA

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.55	TĂNG	GIẢM	10.80	9.90	6.94%			11.95		
ANV	17.00	TĂNG	TĂNG	14.85	15.69	14.48%			16.44		
ASM	4.78	TĂNG	TĂNG	4.15	3.90	15.18%			4.56		
BMI	18.40	TĂNG	GIẢM	16.95	16.46	8.55%			18.85		
BMP	40.70	TĂNG	TĂNG	37.95	37.51	7.25%			40.61		
BWE	18.35	TĂNG	GIẢM	18.00	16.62	1.94%			19.61		
CEO	6.90	TĂNG	GIẢM	6.80	5.96	1.47%			7.29		
CII	18.75	GIẢM	GIẢM		20.36				21.58		
CRE	15.90	TĂNG	GIẢM	16.70	15.39	-4.79%			17.38		
CTI	19.10	GIẢM	GIẢM		21.30				23.07		
CTR	38.00	TĂNG	GIẢM	34.50	31.27	10.14%			39.76		
D2D	55.30	TĂNG	GIẢM	51.10	45.76	8.22%			57.71		



We Create Fortune

DBD	50.30	TĂNG	GIẢM	48.80	47.71	3.07%			50.57		
DCM	6.56	TĂNG	TĂNG	5.86	5.96	11.95%		6.40	6.22	2.50%	MUA
DGW	23.40	TĂNG	TĂNG	20.40	20.37	14.71%			23.06		
DHC	34.25	TĂNG	GIẢM	34.00	32.49	0.74%			36.68		
DIG	11.35	GIẢM	GIẢM		11.53				12.63		
DPG	26.80	TĂNG	GIẢM	24.90	22.36	7.63%			29.59		
DPM	14.15	TĂNG	TĂNG	12.05	12.78	17.43%		13.70	12.75	3.28%	MUA
DRC	17.95	TĂNG	GIẢM	16.70	15.57	7.49%			18.80		
DXG	9.40	TĂNG	GIẢM	8.89	8.07	5.74%			10.75		
E1VFN30	12.10	TĂNG	TĂNG	11.22	10.95	7.84%			11.99		
FCN	8.21	TĂNG	GIẢM	7.58	7.58	8.31%			8.61		
FLC	3.03	TĂNG	GIẢM	3.02	2.74	0.33%			3.57		
GEG	20.50	TĂNG	GIẢM	20.80	19.55	-1.44%			22.70		
GMD	16.95	TĂNG	GIẢM	16.50	15.33	2.73%			17.73		
GTN	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	13.60	0.67%			17.14		
HAG	3.11	TĂNG	GIẢM	2.81	2.89	10.68%			3.22		
HBC	7.75	TĂNG	GIẢM	7.31	6.42	6.02%			8.49		
HCM	16.40	TĂNG	TĂNG	13.55	13.77	21.03%		15.45	15.29	6.15%	MUA
HDC	16.90	TĂNG	GIẢM		16.68				18.98		
HDG	22.85	TĂNG	TĂNG	18.95	19.01	20.58%			21.43		
HPX	27.25	GIẢM	#N/A		28.28			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	6.46	TĂNG	TĂNG	5.56	5.24	16.19%			6.20		
HT1	12.50	TĂNG	TĂNG	11.95	11.00	4.60%			12.34		
HTM	11.90	TĂNG	GIẢM	12.80	10.67	-7.03%			15.81		
IBC	21.80	TĂNG	TĂNG	20.80	21.07	4.81%		21.75	20.03	0.23%	
IDI	3.91	TĂNG	TĂNG	3.31	3.34	18.13%			3.77		
IJC	9.78	TĂNG	GIẢM	9.12	8.50	7.24%			10.53		
ITA	1.93	GIẢM	GIẢM		2.02				2.27		
KBC	11.95	TĂNG	GIẢM	11.75	10.82	1.70%			12.90		
KDC	16.90	TĂNG	GIẢM	16.90	16.16	0.00%	MUA		17.43		
KOS	28.60	TĂNG	TĂNG	28.80	26.23	-0.69%		26.30	26.55	8.75%	
KSB	15.00	TĂNG	GIẢM	14.00	13.10	7.14%			16.48		
LDG	5.00	TĂNG	GIẢM	4.93	4.32	1.42%			5.81		
LPB	7.10	TĂNG	GIẢM	7.10	6.71	0.00%	MUA		7.48		
MBG	10.20	TĂNG	GIẢM	7.40	7.30	37.84%			14.73		
MBS	9.30	TĂNG	GIẢM	9.90	8.60	-6.06%			10.76		
MPC	22.10	TĂNG	TĂNG	20.80	18.56	6.25%		24.10	17.84	-8.30%	
NBB	18.90	TĂNG	TĂNG	20.05	17.20	-5.74%		18.80	18.61	0.53%	MUA



We Create Fortune

NKG	5.62	TĂNG	GIẢM	5.27	4.68	6.64%			6.27		
NLG	21.35	TĂNG	GIẢM	20.80	19.50	2.64%			23.41		
NT2	18.60	TĂNG	GIẢM	18.10	17.28	2.76%			19.04		
NTL	17.30	TĂNG	GIẢM	17.00	15.68	1.76%			19.42		
NVB	8.10	GIẢM	GIẢM		8.63				9.18		
OGC	2.68	TĂNG	GIẢM	2.67	2.48	0.37%			2.92		
PC1	13.55	TĂNG	TĂNG	11.80	11.82	14.83%			13.23		
PDR	24.95	GIẢM	GIẢM		25.74				26.58		
PHR	42.70	TĂNG	GIẢM	38.85	37.61	9.91%			43.64		
PPC	24.95	TĂNG	GIẢM	23.60	23.20	5.72%			25.05		
PTB	43.60	TĂNG	GIẢM	39.35	37.40	10.80%			45.17		
PVD	9.47	TĂNG	GIẢM	8.06	8.61	17.49%			9.55		
PVI	30.70	TĂNG	TĂNG	29.70	28.76	3.37%		30.70	30.34	0.00%	MUA
PVS	11.80	TĂNG	GIẢM	11.30	10.61	4.42%			12.44		
PVT	9.02	TĂNG	GIẢM	8.61	8.36	4.76%			10.00		
QCG	6.07	TĂNG	GIẢM	6.46	5.27	-6.04%			7.51		
SCR	4.12	TĂNG	GIẢM	4.30	3.69	-4.19%			4.82		
SGP	6.20	TĂNG	GIẢM	5.90	5.56	5.08%			6.54		
SHB	18.00	TĂNG	TĂNG	12.70	15.51	41.73%		7.10	9.88	153.52%	
SHS	9.20	TĂNG	TĂNG	6.90	7.95	33.33%		8.20	7.64	12.20%	MUA
SZC	14.70	TĂNG	GIẢM	14.30	12.90	2.80%			16.12		
TCH	19.50	TĂNG	GIẢM	20.55	18.29	-5.11%			23.67		
TCM	15.85	TĂNG	TĂNG	13.45	13.65	17.84%			15.44		
TDH	7.86	TĂNG	TĂNG	6.73	6.50	16.79%			7.37		
TNG	13.50	TĂNG	TĂNG	9.70	10.42	39.18%		11.70	11.21	15.38%	MUA
TTB	2.52	GIẢM	GIẢM		2.57				3.86		
VGC	15.70	TĂNG	GIẢM	14.90	14.74	5.37%			16.05		
VGT	8.30	TĂNG	TĂNG	7.10	7.47	16.90%			8.06		
VHC	28.00	TĂNG	TĂNG	25.10	24.02	11.55%			27.51		
VND	11.35	GIẢM	GIẢM		12.19				12.80		
VNG	12.60	GIẢM	GIẢM	12.90	12.72	-1.42%	BÁN		14.72		
VPI	41.65	TĂNG	TĂNG	42.00	40.49	-0.83%		41.30	40.58	0.85%	

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	5.20	TĂNG	GIẢM	5.00	4.37	4.00%			6.04		
AGR	2.88	TĂNG	GIẢM	2.78	2.53	3.60%			2.94		
AMD	2.93	GIẢM	GIẢM		3.25				4.02		
APG	9.22	TĂNG	GIẢM	8.75	8.77	5.37%			9.84		
ART	2.40	GIẢM	GIẢM		2.44				3.02		
BCG	5.00	TĂNG	GIẢM	4.94	4.45	1.21%			5.72		
C4G	5.20	TĂNG	GIẢM	4.50	4.64	15.56%			5.42		
C69	6.40	TĂNG	GIẢM	5.40	4.72	18.52%			7.87		
CCL	5.84	TĂNG	TĂNG	4.68	4.80	24.79%			5.68		
CVT	17.85	TĂNG	TĂNG	16.90	16.59	5.62%			17.79		
DAH	9.70	TĂNG	GIẢM	9.26	8.34	4.75%			10.18		
DLG	1.63	GIẢM	GIẢM		1.69				2.00		
DRH	4.68	TĂNG	GIẢM	3.75	3.82	24.80%			4.83		
DTD	10.50	GIẢM	GIẢM		10.63				12.32		
EVG	2.49	TĂNG	GIẢM	2.47	2.23	0.81%			2.73		
FIT	6.05	TĂNG	GIẢM	5.99	5.27	1.00%			7.35		
FTM	1.47	TĂNG	GIẢM	1.47	1.47	0.00%	MUA		2.19		
FUES SV50	10.90	TĂNG	TĂNG	9.90	9.99	10.10%		10.40	10.31	4.81%	MUA
GKM	16.80	TĂNG	TĂNG	15.70	15.53	7.01%		14.90	14.87	12.75%	
HAH	10.15	TĂNG	TĂNG	9.44	9.20	7.52%			10.15		
HAI	2.80	GIẢM	GIẢM		3.12				3.97		
HAR	2.71	TĂNG	GIẢM	2.56	2.34	5.86%			3.15		
HDA	6.80	GIẢM	GIẢM		7.09				7.81		
HHP	13.40	TĂNG	TĂNG	13.80	12.79	-2.90%		13.20	11.66	1.52%	
HHS	3.60	GIẢM	GIẢM		3.61				4.08		
HID	2.34	TĂNG	GIẢM	2.34	2.04	0.00%			2.69		
HII	12.70	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	15.45%	
HQC	1.09	GIẢM	GIẢM		1.13				1.31		
HSL	6.54	TĂNG	TĂNG	4.10	5.43	59.51%		5.35	5.01	22.24%	MUA
HUT	1.50	TĂNG	GIẢM	1.60	1.26	-6.25%			1.94		
HVG	5.40	GIẢM	GIẢM		6.46				6.74		
HVH	7.95	TĂNG	GIẢM	7.65	6.34	3.92%			9.52		
IDJ	16.00	GIẢM	GIẢM		17.99				19.86		

We Create Fortune

JVC	2.86	TĂNG	GIẢM	2.53	2.32	13.04%			3.00		
KLF	1.50	GIẢM	TĂNG		1.69			1.50	1.44	0.00%	BÁN
LCG	5.02	TĂNG	GIẢM	4.51	4.21	11.31%			5.15		
LGL	5.09	TĂNG	GIẢM	4.79	4.44	6.26%			5.40		
LHG	13.65	TĂNG	GIẢM	12.60	12.51	8.33%			13.83		
LMH	1.19	GIẢM	GIẢM		1.30				2.56		
MST	2.60	GIẢM	GIẢM		3.39				4.98		
NDN	16.70	TĂNG	TĂNG	15.80	15.09	5.70%		16.20	16.08	3.09%	MUA
PHC	9.84	TĂNG	GIẢM	10.50	9.38	-6.29%			10.81		
PLP	7.33	TĂNG	GIẢM	6.94	6.20	5.62%			8.53		
PVB	12.50	TĂNG	TĂNG	9.60	10.77	30.21%		11.50	10.98	8.70%	MUA
PVC	5.10	TĂNG	GIẢM	4.90	4.55	4.08%			5.27		
PVX	1.00	TĂNG	GIẢM	1.00	0.80	0.00%			1.06		
PXL	7.90	TĂNG	TĂNG	8.10	7.37	-2.47%		6.70	6.88	17.91%	
SHI	8.70	TĂNG	GIẢM	8.70	8.06	0.00%			9.06		
SJF	1.27	GIẢM	GIẢM		1.35				1.66		
SPP	0.40	GIẢM	GIẢM		0.61				1.39		
TDC	7.24	TĂNG	GIẢM	7.06	6.58	2.55%			7.53		
TIG	5.40	TĂNG	GIẢM	5.30	4.55	1.89%			6.68		
TLH	2.53	GIẢM	GIẢM		2.74				3.12		
TNA	15.80	TĂNG	GIẢM	16.30	13.46	-3.07%			18.25		
TNI	10.60	TĂNG	GIẢM	10.60	10.54	0.00%	MUA		10.85		
TSC	2.14	GIẢM	GIẢM		2.26				2.78		
TTF	2.16	TĂNG	GIẢM	2.15	1.89	0.47%			2.44		
TTH	1.60	GIẢM	GIẢM		1.80				2.14		
TVC	26.50	GIẢM	GIẢM		26.83				30.87		
VC3	17.30	TĂNG	TĂNG	15.80	16.29	9.49%		16.90	16.61	2.37%	MUA
VCR	8.00	GIẢM	TĂNG		8.70			12.90	7.61	-37.98%	
VNA	2.10	GIẢM	GIẢM		2.21				2.84		
VNE	3.76	TĂNG	GIẢM	3.65	3.45	3.01%			3.94		
VRC	5.00	GIẢM	GIẢM		5.29				7.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	777.22	1.28%	HNI	108.33	1.10%	UPCoM	51.51	1.44%
VN30	722.8	1.26%	HN30	205.46	1.28%			
VN Mid	752.98	2.23%	VNX	694.35	1.26%			
VN Small	653.44	1.78%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	361.87		Mua	1.30		Mua	5.94	
Bán	547.03		Bán	9.70		Bán	13.21	
GT ròng	-185.16		GT ròng	-8.41		GT ròng	-7.27	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTD	3700	6.98%	LAS	500	10.00%	MML	3846	9.27%
D2D	3600	6.96%	TAR	3100	9.81%	LPB	436	6.71%
HSG	420	6.95%	AMV	1300	9.63%	MPC	1316	6.33%
CSV	1300	6.95%	VCS	5400	9.23%	CTR	1860	5.20%
AAA	750	6.94%	BCC	600	9.09%	HND	632	3.85%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTF	-950	-4.19%	VIX	-400	-7.41%	M10	-1664	-6.53%
DCL	-700	-3.29%	PVS	-400	-3.28%	C4G	-123	-2.28%
TNA	-500	-3.07%	L14	0	0.00%	VGT	-175	-2.06%
PVD	-230	-2.37%	NVB	0	0.00%	OIL	-30	-0.47%
VNG	-250	-1.95%	PVI	0	0.00%	ACV	-239	-0.44%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	323,360		ACB	33,255		ACV	117,647	
VCB	259,251		SHB	31,245		MCH	45,922	
VHM	223,687		VCG	10,910		VEA	45,654	
VNM	172,396		VCS	9,360		BCM	19,201	
BID	146,804		PVI	7,095		MVN	17,417	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	16,345,390	17,248,119	SHB	9,380,132	6,045,923	LPB	5,284,718	2,925,732
STB	14,857,170	10,184,176	VIX	5,226,150	56,098	BSR	2,500,874	3,283,305
DLG	13,619,720	7,972,928	PVS	5,117,796	5,229,760	VIB	2,079,760	870,131
EIB	10,321,980	393,773	PVX	3,850,081	1,782,835	QNS	1,394,591	346,927
MBB	10,310,960	6,826,937	ACB	3,686,239	4,287,995	OIL	991,930	540,631

Nguồn: Bloomberg & YSVN

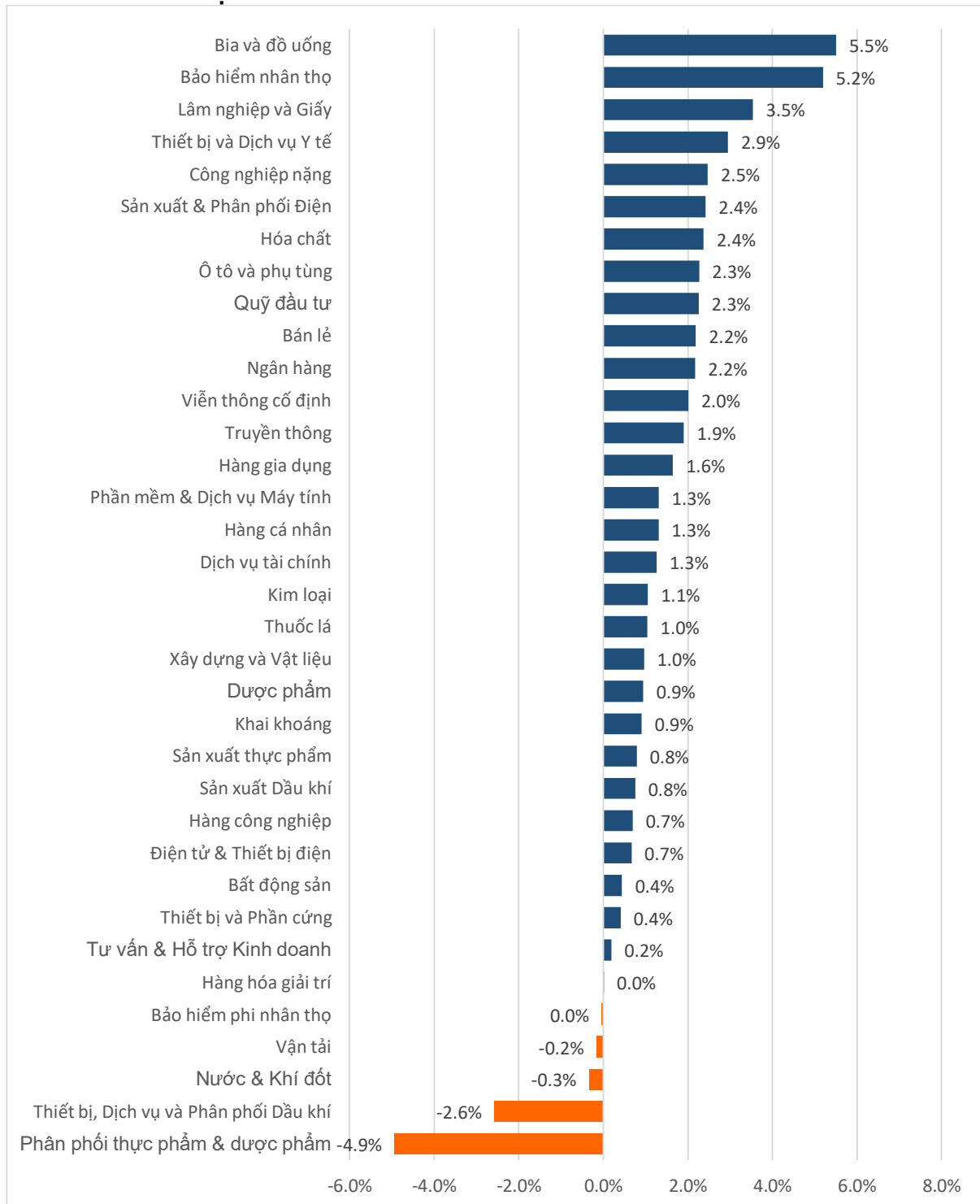
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



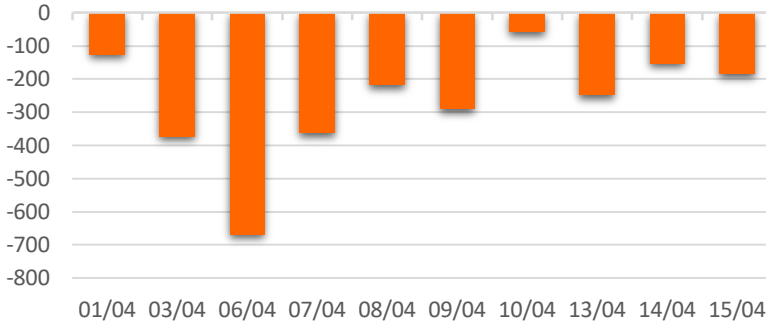
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

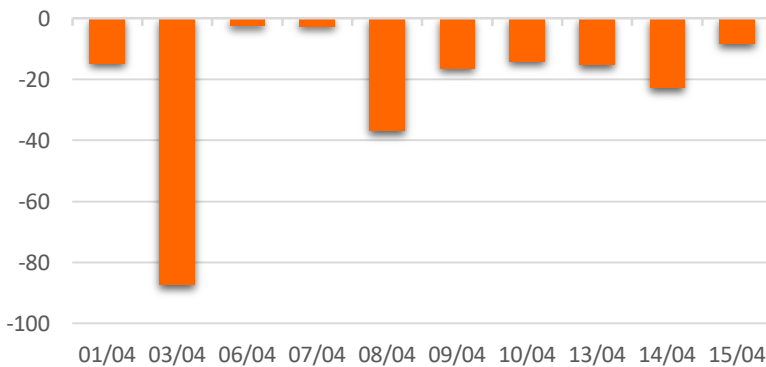
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CTG	11,234	VIC	94,198
MSN	8,193	DBC	16,267
STB	6,364	VNM	13,251
VRE	6,210	VHM	13,028
NLG	5,363	TLG	9,406

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

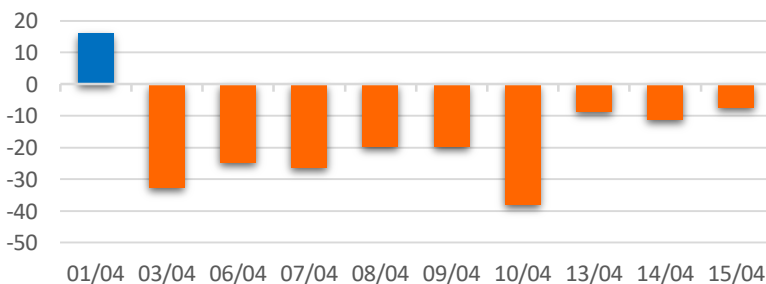
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	497	PVS	3,962
WCS	125	LAS	2,614
VCS	104	VCG	1,715
SDT	91	PLC	645
BVS	91	EID	261

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	2,801	BSR	4,487
LPB	196	VIB	2,122
LTG	181	ACV	1,642
BDG	129	BCM	1,451
QNS	51	FOC	260

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



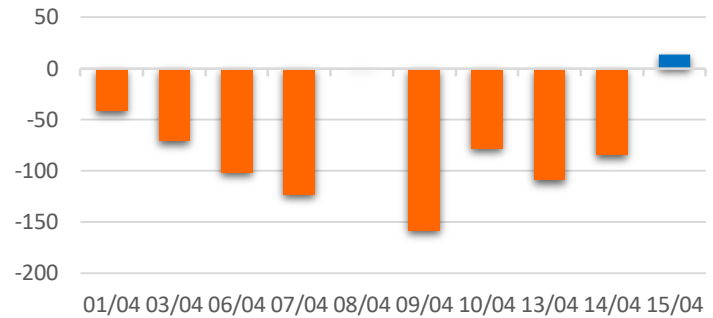
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

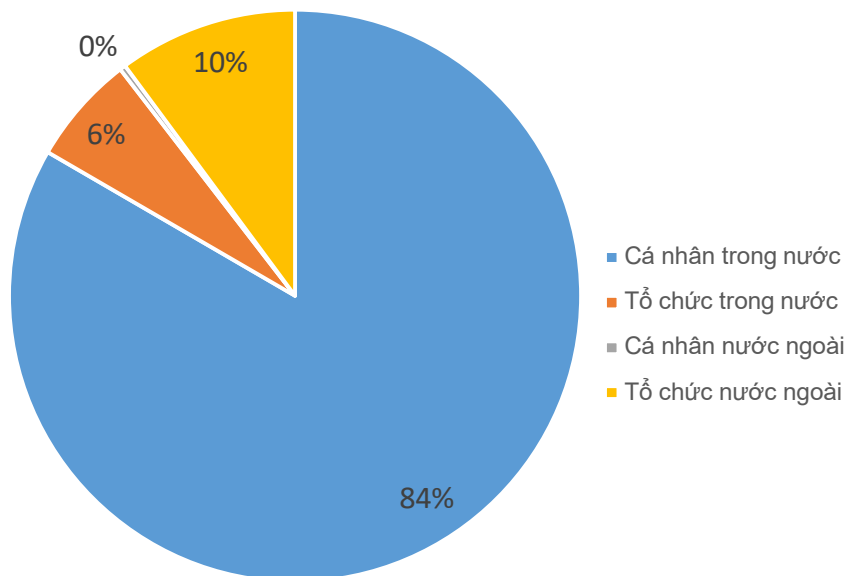
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>MWG</b>	48,063	<b>DBC</b>	31,153
<b>VPB</b>	12,848	<b>PLX</b>	17,061
<b>DPM</b>	4,433	<b>FPT</b>	8,276
<b>NBB</b>	3,219	<b>MBB</b>	7,313
<b>HPG</b>	3,059	<b>MWG</b>	3,901

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

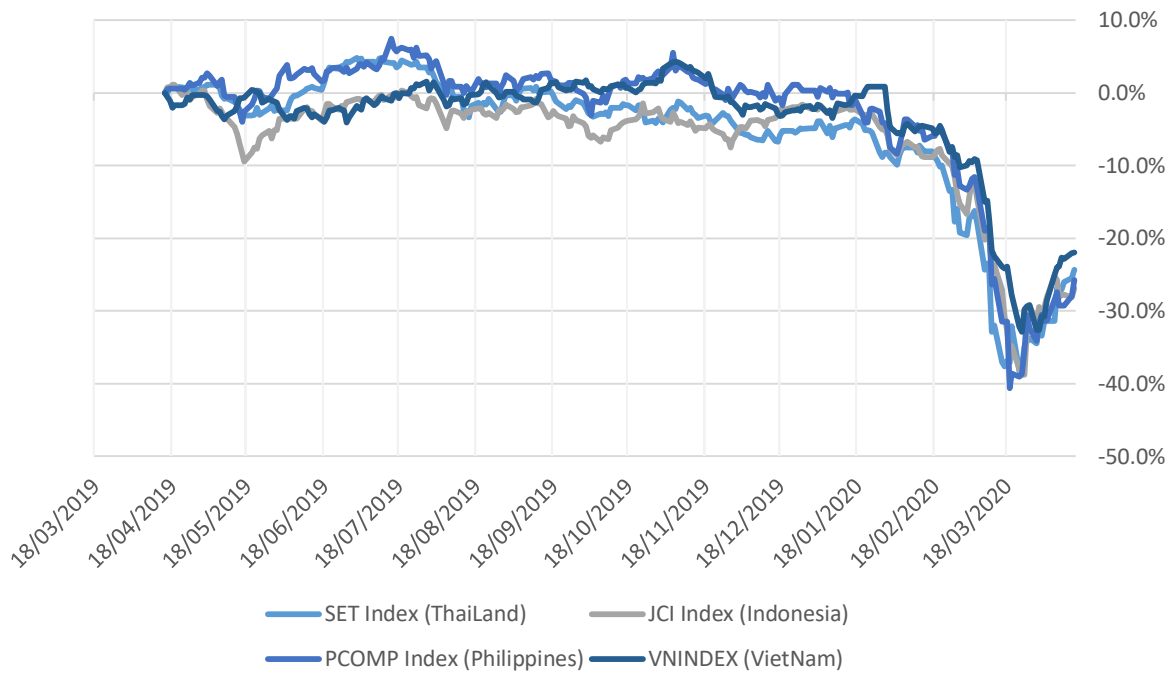


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

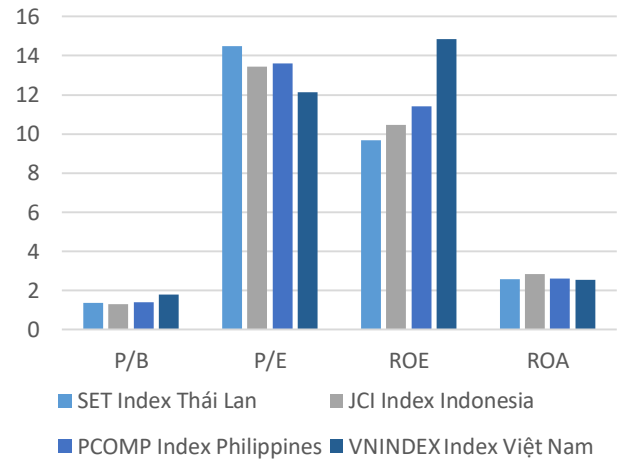
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.4x	1.3x	1.4x	1.8x
P/E		14.5x	13.4x	13.6x	12.1x
ROE	%	9.69	10.47	11.42	14.86
ROA	%	2.56	2.84	2.59	2.53
Vốn hóa	Tỷ USD	413.30	351.30	143.65	114.27
GTGD	Triệu USD	2.10	0.33	0.10	0.14
LS cổ tức	%	4.09	3.45	2.14	2.37

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Lý Thị Hiền**

**Trưởng phòng NC-PT**

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Mạnh Hoạt**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Đinh Thị Thu Cúc**

**Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu**

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written